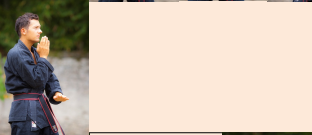




Thất Thập Nhị Huyền Công - Techniques de base VVDCE - 1 ANNEE

Livre du V0 sur
mâj: 23/09/2012

Techniques	Catégories	Nom en vietnamien	Prononciation	Signification	programm e	Photos
Bộ Pháp Techniques de positions.	Thượng bộ <i>Positions hautes</i>	Lập tấn	[Lap Teun]	Position droite position dite « rassemblée »	1	
Bộ Pháp Techniques de positions.	Thượng bộ <i>Positions hautes</i>	Chuẩn bị	[chuân bi]	Position dite « de préparation »	1	
Bộ Pháp Techniques de positions.	Thượng bộ <i>Positions hautes</i>	Liên hoa tấn	[liene hao teune]	Position de la fleur qui se referme, dite « du lotus »	1	
Bộ Pháp Techniques de positions.	Thượng bộ <i>Positions hautes</i>	Hạc tấn	[Hac Teun]	Position de la grue.	1	
Bộ Pháp Techniques de positions.	Thượng bộ <i>Positions hautes</i>	Độc hành vô tấn	[Đock Haa Voo Teun]	Position du marcheur solitaire.	1	
Bộ Pháp Techniques de positions.	Thượng bộ <i>Positions hautes</i>	Đi sơn tấn	[di seune teun]	Position qui pousse la montagne.	1	
Bộ Pháp Techniques de positions.	Trung bộ <i>Positions moyennes</i>	Xà tự tấn	[Kuu Teu Teun]	Position du petit serpent.	1	
Bộ Pháp Techniques de positions.	Trung bộ <i>Positions moyennes</i>	Âm dương tấn	[Am Ziang Teun]	Position du yang et du yin.	1	
Bộ Pháp Techniques de positions.	Trung bộ <i>Positions moyennes</i>	Hải nhĩ Tấn	[hai gri teun]	Position du cheval dragon.	1	
Bộ Pháp Techniques de positions.	Trung bộ <i>Positions moyennes</i>	Chảo má tấn	[Tchao Ma Teun]	Position du sabot (ou du sabot) du cheval	1	
Bộ Pháp Techniques de positions.	Trung bộ <i>Positions moyennes</i>	Đỉnh tấn	[Diu Teun]	Position du caractère Dĩnh ou du pic	1	
Bộ Pháp Techniques de positions.	Trung bộ <i>Positions moyennes</i>	Nhĩ tấn	[Ni Teun]	Position de la licorne	1	
Bộ Pháp Techniques de positions.	Trung bộ <i>Positions moyennes</i>	Trung bình tấn	[Tchoum Bin Teun]	Position du juste milieu.	1	
Bộ Pháp Techniques de positions.	Hạ bộ <i>Positions basses</i>	Tọa tấn	[Toa Teun]	Position assise.	1	

Bộ Pháp Techniques de positions.	Hạ bộ <i>Positions basses</i>	Hạ mã tấn	[Hạ Mã Tấn]	Position du cheval couché.	1	
Bộ Pháp Techniques de positions.	Hạ bộ <i>Positions basses</i>	Ngọa tấn	[Giọa Tấn]	Position allongée	1	
Bộ Pháp Techniques de positions.	Hạ bộ <i>Positions basses</i>	Quỳ tấn	[Cúi Tấn]	Position de la tortue ou à genoux	1	
Thủ pháp Techniques de main.	Bộ thủi sơn <i>Techniques de coups de poing.</i>	Hoành sơn	[hình cheune]	Contourner la montagne.	1	
Thủ pháp Techniques de main.	Bộ thủi sơn <i>Techniques de coups de poing.</i>	Bật sơn	[bật cheune]	Abattre la montagne.	1	
Thủ pháp Techniques de main.	Bộ thủi sơn <i>Techniques de coups de poing.</i>	Thối sơn	[trối cheune]	Arrêter la montagne.	1	
Thủ pháp Techniques de main.	Bộ thủi sơn <i>Techniques de coups de poing.</i>	Di sơn	[di cheune]	Déplacer la montagne.	1	
Cước pháp Techniques de pied	Tiểu cước <i>Coups de pied vers l'avant.</i>	Độc tiểu cước	[Độc Tiểu Cước]	Le coup de pied solitaire	1	
Cước pháp Techniques de pied	Tiểu cước <i>Coups de pied vers l'avant.</i>	Tảo phong cước	[Tảo Phong Cước]	Le coup de pied des vents tournoyant	1	
Cước pháp Techniques de pied	Tiểu cước <i>Coups de pied vers l'avant.</i>	Đảo sơn cước	[Đảo Sơn Cước]	Le coup de pied qui contourne la montagne.	1	
Cước pháp Techniques de pied	Tiểu cước <i>Coups de pied vers l'avant.</i>	Bàng long cước	[Bàng Long Cước]	La patte du dragon.	1	
Cước pháp Techniques de pied	Tiểu cước <i>Coups de pied vers l'avant.</i>	Lôi công cước	[Lôi Công Cước]	Le coup de pied de la foudre.	1	
Cước pháp Techniques de pied	Tiểu cước <i>Coups de pied vers l'avant.</i>			Coup de pied oblique	1	
Cước pháp Techniques de pied	Tiểu cước <i>Coups de pied vers l'avant.</i>			Cou'de pied latéral bas	1	

Cước pháp Techniques de pied	Hoành cước <i>Coups de pied circulaires.</i>	Lưu vân cước	[Louis Van Ciec]	Le coup de pied des nuages flottants.	1	
--	--	--------------	------------------	--	---	---

